

Năng lực công nghệ, vấn đề cốt lõi trong giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tái cơ cấu nền kinh tế

LÊ THÀNH Ý

 *uá trình toàn cầu hóa tạo cơ hội mở rộng chuyển giao công nghệ, nhưng cũng đặt các nước đang phát triển trước nhiều khó khăn, thách thức. Từ thực trạng doanh nghiệp Việt Nam và kết quả điều tra năng lực công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp, bài viết đề cập đến một số nội dung cần được quan tâm trong chính sách chuyển giao công nghệ đối với khu vực này.*

1. Hiện trạng doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế, những khó khăn nổi bật

Bức tranh kinh tế xã hội năm 2012 cho thấy, ngay từ những tháng đầu năm sản xuất đã có dấu hiệu bước vào suy giảm; tín dụng suy kiệt và tăng trưởng đạt thấp nhất trong vòng 10 năm gần đây. Theo Bộ Kế hoạch và đầu tư, cả nước có trên 675 nghìn doanh nghiệp; trong số này, chỉ gần 70% còn hoạt động, số doanh nghiệp thành lập mới sút giảm (giảm 10% về số doanh nghiệp, 7,5% về vốn đăng ký) và tỷ lệ giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động tăng cao. Từ những số liệu đã công bố, lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động 2 năm 2011, 2012 chiếm 40% tổng số doanh nghiệp đóng cửa kể từ đổi mới (năm 1986) đến nay (VCCI 2012, MPI 2013, TCTK 2012).

Khảo sát động thái doanh nghiệp trong quý III/2012, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam cho biết, chỉ số hoạt động sản xuất kinh doanh xấu đi rất nhiều, nhất là về lợi nhuận, doanh số và hàng tồn kho. Khó khăn được thể hiện ở nhu cầu trong nước giảm mạnh với trên 2/3 số doanh nghiệp phải gánh chịu: tiếp đến 53,6% khó tiếp cận vốn và 49,2% thiếu nguyên liệu đầu vào. Quan ngại nổi bật đã tập trung vào: lợi nhuận giảm; giá thành tăng cao; nhu cầu thị trường quốc tế và trong nước kém thuận lợi;

giá bán bình quân, hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị đều thấp; đặc biệt, năng lực cạnh tranh doanh nghiệp và nền kinh tế rất yếu trong chuỗi giá trị toàn cầu. Những chỉ số động thái thực thấy về hoạt động doanh nghiệp trong năm suy giảm mạnh, đã thể hiện rõ nét tình trạng ảm đạm của sản xuất kinh doanh với chỉ số động thái tổng hợp quý III/2012 rơi xuống âm 29 (VCCI 2012).

Kết quả tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính và sự nghiệp năm 2012 cho thấy, trong số trên 341,6 nghìn doanh nghiệp hoạt động, doanh nghiệp nhà nước chiếm 0,96%, doanh nghiệp FDI 2,7%; trên 96,3% còn lại là doanh nghiệp ngoài nhà nước mà hầu hết là những doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). Theo ngành kinh tế, tỷ lệ doanh nghiệp năm 2012 trong nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 1,1%; công nghiệp-xây dựng 31,5% và dịch vụ trên 67,4% (TCTK 2013).

Nhìn chung, mọi loại hình doanh nghiệp đều gặp khó khăn, song mức độ có khác biệt giữa các thành phần kinh tế. Trong tình trạng kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, DNNN là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất với trên 33% doanh nghiệp phải gánh chịu; tỷ lệ

Lê Thành Ý, TS., Chủ tịch Nhà báo quản lý kinh tế. VJA.

này trong khu vực tư nhân là 24% và doanh nghiệp FDI khoảng 20%. Đối với doanh nghiệp phải vay vốn, trên 88% vay ngân hàng thương mại, chỉ có 5,5% huy động được từ nguồn FDI. Rào cản lớn nhất trong tiếp cận vốn là lãi suất cao; trong số doanh nghiệp vay vốn, 78,5% chịu mức lãi từ 16%/năm và nhiều doanh nghiệp phải trả trên 18%/năm (TCTK 2012). Đối với doanh nghiệp FDI, 62% không phải vay vốn; không chịu sức ép lãi suất là lợi thế lớn của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài so với doanh nghiệp bản địa trong cuộc cạnh tranh không cân sức về đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Trong bối cảnh suy giảm kinh tế toàn cầu và những bất ổn định vĩ mô, kết quả hoạt động doanh nghiệp trong năm 2012 đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế (GDP) 5,03%; giá tăng xuất khẩu trên 18,3% để lần đầu tiên cả nước xuất siêu 284 triệu USD (MPI 2013). Mặc dù có những nỗ lực để trụ vững, song từ những chỉ tiêu vĩ mô của nền kinh tế, trong từng ngành hàng và các doanh nghiệp cũng đã bộc lộ những mặt yếu kém lâu dài về tiềm lực, năng lực cạnh tranh và nhất là trình độ công nghệ doanh nghiệp trong nước.

Theo Tổng cục Thống kê, mức tăng 5,03% GDP được ngành nông nghiệp đóng góp 0,44%, công nghiệp 1,89% và dịch vụ 2,70%. Đáng lưu ý là, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, công nghiệp đã trở thành lĩnh vực chủ đạo để tạo đà tăng trưởng, song năm 2012 tăng trưởng công nghiệp chỉ đạt 4,8%, là mức thấp nhất từ trước đến nay. Thực tế này phần nào cho thấy thực trạng doanh nghiệp, những vấn đề cần được xem xét về chính sách công nghiệp, đặc biệt là tiềm lực công nghệ và năng lực cạnh tranh của trên 96,7% doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc những ngành hàng khác nhau phụ thuộc nặng nề bởi chỉ số giá sản xuất và xuất, nhập khẩu hàng hóa. Năm 2012, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình

quản cả nước tăng 9,21%; giá bán sản phẩm của sản xuất hàng công nghiệp tăng 9,32% (điện 9,9%, nước 14,45%; nguyên. nhiên. vật liệu sản xuất tăng 9,04%...) và cước vận tải tăng 13,2%. Ngược với gia tăng cao chủ số giá công nghiệp và dịch vụ, chỉ số giá bán sản phẩm nông-lâm-thủy sản chỉ tăng 3,91% và giá xuất khẩu hàng hóa lại giảm tới 0,54%. Thực tế diễn ra đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động doanh nghiệp trong nước, cần được quan tâm, nghiên cứu đánh giá tác động ở tầm chính sách nhằm tìm giải pháp hỗ trợ cho từng loại hình hoạt động doanh nghiệp, đặc biệt đối với nông nghiệp, nông thôn: bởi giá trị xuất khẩu của khu vực này đã lên gần 21% tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu (riêng mặt hàng nông lâm sản đã tăng trên 18%) (TCTK 2012)....

Các nhà hoạch định chính sách đã đề xuất và thực hiện nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn; nhưng nhìn chung, những kiến nghị mang tính truyền thống (kích cầu hoặc giảm cung) thường chủ ý nguyên nhân trực tiếp tạo khó khăn: đến nay dư địa không còn nhiều. TS. Nguyễn Đình Cung nhận xét: “Phần lớn kiến nghị đưa ra về bản chất là muốn duy trì hệ lụy phân bổ nguồn lực không phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Đó cũng là kết quả của hệ thống dòn bẫy và động lực khuyến khích sai lệch, chưa thúc đẩy đổi mới, sáng tạo công nghệ và tổ chức sản xuất để nâng cao năng suất và hiệu quả”. Ông cho rằng, cần phải thực hiện các giải pháp trực diện vấn đề cơ bản của nền kinh tế đang nằm ở cơ cấu vĩ mô trong các doanh nghiệp, nó thể hiện ở hiệu quả sử dụng nguồn lực, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh rất thấp trong chuỗi giá trị gia tăng (Nguyễn Đình Cung 2012).

2. Năng lực công nghệ doanh nghiệp từ những kết quả điều tra, khảo sát gần đây

Sau gần 3 thập niên đổi mới, lực lượng doanh nghiệp Việt Nam đã trưởng thành với sự gia tăng nhanh của khu vực ngoài nhà

nước; trong đó, doanh nghiệp tư nhân ngày càng năng động và linh hoạt, trở thành động lực tăng trưởng với lợi nhuận cao. Trước yêu cầu tái cơ cấu nền kinh tế, mô hình tăng trưởng dựa trên đầu tư và khai thác yếu tố giản đơn phải nhường chỗ cho tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo với năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) cao; nâng cao năng lực công nghệ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) ngày càng trở nên quan trọng. Nhằm làm rõ thực trạng công nghệ và đề xuất giải pháp khắc phục những cản trở nâng cao tiềm lực công nghệ doanh nghiệp, gần đây, các tổ chức trong nước và quốc tế đã tiến hành nhiều nghiên cứu, đánh giá và rút ra những nhận xét quan trọng. Dưới đây xin đề cập đến một số khía cạnh nổi bật qua kết quả điều tra khảo sát

Kết quả điều tra trên 7.620 doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn cả nước của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương năm 2010 đã rút ra, hầu hết doanh nghiệp an bài với trình độ công nghệ hiện tại: những doanh nghiệp có nhu cầu hoặc muốn thay đổi công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm đều gặp trở ngại về vốn. Nét nổi bật qua khảo sát là xu hướng nâng cao năng suất sản phẩm chuyên sâu; trong khi trọng tâm chiến lược lại ít quan tâm dành cho tìm kiếm thị trường mới trong nhiều ngành. Đáng chú ý trong xây dựng năng lực công nghệ doanh nghiệp là phần lớn hoạt động đổi mới được định hướng vào giải quyết vấn đề cụ thể, ở chừng mực nhất định về công nghệ nhằm giảm chi phí sản xuất chứ chưa hướng vào đầu tư tương lai. Theo đó, hoạt động đổi mới công nghệ thiên về cải tiến những gì hiện có (CIEM 2012).

Từ vai trò rộng lớn của khu vực DNNVV (chiếm trên 96% tổng số doanh nghiệp) tạo ra 50% việc làm và đóng góp 40% vào GDP cả nước; năm 2010. Cục Phát triển doanh nghiệp (AED) và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã phối hợp để Công ty Nghiên cứu và tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI) tiến hành khảo sát

trên 2.200 DNNVV (bao gồm 54% là công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), 32% là các công ty cổ phần (CTCP), 14% doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước chiếm 0,6%) trên địa bàn Hà Nội, Cần Thơ và Bình Thuận. Kết quả nghiên cứu cho thấy một thực trạng đáng báo động về năng lực công nghệ, là một tư liệu giúp các nhà hoạch định chính sách nhìn nhận khách quan hơn về thực trạng công nghệ của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu (JICA, AED 2010).

Phân tích tổng quan khó khăn đối với công nghệ doanh nghiệp, báo cáo kết quả của CIEM nhận định, chiến lược kinh doanh đang là trở ngại lớn nhất. Theo đó 3/4 số doanh nghiệp theo đuổi việc cải tiến chất lượng sản phẩm, 1/3 chủ trương cải tiến quy trình thực hiện, chỉ có 2% xem xét chuyển đổi lĩnh vực hoạt động như một phần trong chiến lược kinh doanh. Thực tế chứng tỏ, phần đông doanh nghiệp theo đuổi chiến lược nâng cao hiệu quả sản xuất mà ít quan tâm đến tìm kiếm thị trường để nâng cấp công nghệ và đổi mới sản phẩm. Trong thực thi chiến lược, doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức, 81% gặp trở ngại ở những mức độ khác nhau, song nghiêm trọng nhất là khó tiếp cận nguồn vốn, tiếp đó là cạnh tranh yếu kém do những hạn chế về kỹ năng, lao động có tay nghề và thiếu cơ sở hạ tầng (CIEM 2012).

Đánh giá về tình hình đổi mới công nghệ doanh nghiệp, JICA và AED nhận định, khó khăn chủ yếu khi thực hiện đổi mới công nghệ là nguồn vốn và thông tin công nghệ; 69% doanh nghiệp thiếu kinh phí và trên 53% thiếu thông tin về thiết bị, công nghệ. Trong số 58,5% doanh nghiệp có mua sắm thiết bị công nghệ, số tự thực hiện chiếm 97,9%, chỉ có 2,1% được Nhà nước hỗ trợ để thực hiện công việc này. Tương tự, về thu thập thông tin đổi mới công nghệ, chỉ có 1,36% số doanh nghiệp được hỏi cho rằng được Nhà nước hỗ trợ. Trong những hoạt động liên quan đến đổi mới công nghệ (bao

gồm cả đánh giá lựa chọn, mua sắm thiết bị công nghệ, triển khai nghiên cứu hoặc đăng ký quyền sở hữu công nghiệp...), có 35,3% doanh nghiệp thực hiện đánh giá lựa chọn và 20,1% tham gia vào hoạt động đổi mới. Điều này cũng thể hiện rõ nét trở ngại trong đa dạng hóa sản phẩm và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ (JICA, AED 2010).

Cạnh tranh doanh nghiệp và sức lan tỏa chuyển giao công nghệ đã được các tổ chức nghiên cứu phân tích theo những bình diện cả về chiều dọc lẫn chiều ngang. Tác động lan tỏa theo chiều ngang trong cùng một ngành hàng được coi là quan trọng; hiệu ứng lan tỏa này xảy ra thông qua sao chép, mô phỏng hoặc thuê lao động do các đối thủ nước ngoài đào tạo; còn lan tỏa theo chiều dọc được xem xét trong mối quan hệ giữa nhà cung cấp và khách hàng theo liên kết ngược và xuôi. Báo cáo của CIEM cho thấy, hiếm có bằng chứng về tác động của hiệu ứng lan tỏa công nghệ theo chiều ngang từ các doanh nghiệp FDI. Sử dụng kết quả điều tra doanh nghiệp giai đoạn 2000-2006, các nhà phân tích đã chỉ ra tác động tiêu cực đối với năng suất lao động. Theo đó, sự hiện diện và cạnh tranh của các công ty nước ngoài lại có tác động tiêu cực đến năng suất lao động của các doanh nghiệp trong nước (CIEM 2012).

Mối quan hệ lan tỏa công nghệ được diễn ra giữa các nhà cung cấp đầu vào trung gian trong nước và doanh nghiệp nước ngoài (FDI). Kết quả điều tra cho thấy, quan hệ này chỉ xảy ra đối với 39% số doanh nghiệp tham gia vào sản xuất cho mục đích trung gian. Việc chuyển giao công nghệ được thực hiện khi thỏa thuận hợp đồng có hiệu lực với dưới 10% doanh nghiệp tham gia bình thường vào các hợp đồng có thời hạn trên 3 năm; trong khi 93,5% số hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm được ký với khách hàng.

Hiệu ứng lan tỏa công nghệ diễn ra giữa người mua các yếu tố trung gian trong nước với doanh nghiệp FDI hoặc những nhà cung cấp quốc tế. Thực tế cho thấy, 49% doanh nghiệp mua nguyên liệu thô và 44% đầu vào

trung gian từ doanh nghiệp trong nước; tỷ lệ này từ nguồn nhập khẩu lần lượt là 13% và 18%... Cũng như lan tỏa công nghệ, chuyển giao công nghệ được thực hiện thông qua những hợp đồng dài hạn. So với doanh nghiệp FDI thuần túy, doanh nghiệp trong nước ít có khả năng tham gia vào hợp đồng dài hạn, khoảng 3,6% doanh nghiệp tham gia giao dịch quốc tế có hợp đồng từ 3 năm trở lên và chừng 13% hợp đồng dài hạn được ký với các doanh nghiệp FDI. Thực tế này cũng phù hợp với khoảng 10% doanh nghiệp trả lời có chuyển giao công nghệ với nhà cung cấp (CIEM 2012).

Thúc đẩy phát triển và nâng cao trình độ công nghệ doanh nghiệp phụ thuộc vào năng lực nghiên cứu đổi mới dựa trên nền tảng khuyếch tán. Kết quả điều tra còn cho thấy, chỉ có 12% doanh nghiệp trong nước tham gia vào hoạt động R&D, rất ít doanh nghiệp tiến hành đổi mới. Đối với doanh nghiệp có hoạt động R&D, 28% hợp tác với đối tác ngoài nước (chủ yếu ngoài khu vực ASEAN); còn hợp tác trong nước, trên 75% diễn ra khá đồng đều với đối tác ngoài doanh nghiệp trong cùng một tỉnh (CIEM 2012).

Trong hoàn cảnh thiếu vốn mua công nghệ mới; cải tiến, điều chỉnh và sàng lọc công nghệ hiện có là xu hướng phổ biến doanh nghiệp lựa chọn. Công nghệ dựa trên sửa đổi và sàng lọc là những công nghệ hiện có chứ không phải là từ nghiên cứu và phát triển công nghệ gốc. Ngược với xu hướng nghiên cứu và phát triển, cải tiến công nghệ được doanh nghiệp coi là đầu tư giảm chi phí sản xuất; 65% doanh nghiệp cho rằng công nghệ thích hợp sẵn có nhưng quá đắt và hy vọng vào tiếp nhận "công nghệ đại trà" giản đơn để nâng cao năng suất ở tầm doanh nghiệp. Các nhà nghiên cứu cho rằng, sửa đổi và cải tiến công nghệ có tiềm năng tạo năng lực công nghệ thông qua hiệu ứng vừa học vừa làm; cách làm này đã đóng góp đáng kể vào giá trị gia tăng ở cấp độ doanh nghiệp. Cho dù chưa thực sự chắc chắn, song 98% doanh nghiệp tham gia cải tiến công nghệ cho rằng họ chưa bị thất bại.

Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới và nâng cao tiềm lực công nghệ là nội dung được nhiều văn bản nhà nước quy định; song trên thực tế số doanh nghiệp được hỗ trợ và hiệu quả mang lại không như mong đợi. Kết quả điều tra của JICA và AED cho thấy, tỷ lệ DNNVV nhận hỗ trợ chỉ có 4,64% với 0,8% được hỗ trợ đổi mới và 0,9% về đánh giá lựa chọn công nghệ. Trong số 95,4% doanh nghiệp chưa bao giờ được Nhà nước hỗ trợ đổi mới công nghệ, 51% thiếu thông tin về nội dung và hình thức hỗ trợ; 14,8% có nhu cầu nhưng không được tiếp cận nguồn lực hỗ trợ, 1% đề nghị nhưng bị từ chối; 16,1% cho rằng dịch vụ cá nhân và ngoài nhà nước tốt hơn, còn trên 12,2% lại lo ngại về những tiêu cực trong quá trình nhận hỗ trợ. Cùng với hỗ trợ thấp cho doanh nghiệp, hoạt động hỗ trợ theo lĩnh vực kinh doanh cũng chưa thỏa đáng; doanh nghiệp nông, lâm, ngư nghiệp là lĩnh vực bị xem nhẹ với mức 0% dành cho nghiên cứu đổi mới, 3% dành ký bảo vệ sở hữu trí tuệ, 5% đánh giá lựa chọn công nghệ và 7% cho thu thập thông tin. Ngược với nông nghiệp, tỷ lệ này trong thương mại-dịch vụ lần lượt là 35%, 49%, 45% và 53% và đối với công nghiệp xây dựng là 65%, 48%, 50% và 40% (JICA, AED 2010).

3. Vấn đề rút ra và hàm ý chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong tái cơ cấu nền kinh tế

Thực trạng hoạt động doanh nghiệp và từ những kết quả nghiên cứu, khảo sát cho thấy, mức độ tập trung sản phẩm và thị trường cao đã làm gia tăng rủi ro doanh nghiệp cả về mặt hàng chuyên sâu lẫn thị trường truyền thống trước những bất ổn kinh tế diễn ra thường xuyên. Tình trạng này thể hiện áp lực cạnh tranh về giá cả mà doanh nghiệp phải đối mặt; đây cũng là điểm yếu của các doanh nghiệp trong nước đang nặng về cạnh tranh dựa vào lao động rẻ và khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Sau 1/4 thế kỷ thu hút đầu tư nước ngoài, tác động chuyển giao và lan tỏa công nghệ của khu vực này đối với doanh nghiệp chưa thể hiện rõ: sở hữu nước ngoài không phải là

một đảm bảo chắc chắn cho chuyển giao công nghệ và kỳ vọng FDI để thu hút công nghệ không như mong đợi. Đây chính là vấn đề cần được đánh giá đúng mức trong chính sách ưu đãi đầu tư; xây dựng, thực hiện chính sách công nghiệp và chuyển giao công nghệ trong tiến trình công nghiệp hóa và đổi mới quốc gia.

Cải tiến công nghệ là hoạt động thích hợp đối với doanh nghiệp; song trong những thử nghiệm và việc làm thất bại, cải tiến công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm thường có tỷ lệ cao hơn. Nâng cao chất lượng sản phẩm là mong muốn của nhiều doanh nghiệp song họ gặp nhiều trở ngại khi dựa trên tình trạng hiện có. Đây là nhu cầu cần được hỗ trợ từ chính sách nhà nước, các tổ chức nghiên cứu công và đại học; đó cũng là vấn đề cần được xem xét cụ thể để có giải pháp hỗ trợ phù hợp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh lâu dài cho từng loại hình doanh nghiệp; chứ không thể chỉ dừng ở những giải pháp vĩ mô.

Khác với xu thế chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận ràng buộc trong những hợp đồng kinh doanh; ở nước ta, chỉ có 10% doanh nghiệp (chủ yếu doanh nghiệp lớn) ký được các hợp đồng dài hạn. Không tham gia hoặc chưa thỏa thuận được hợp đồng dài hạn đang là cản trở chuyển giao công nghệ đối với doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là những DNNVV. Với tỷ lệ nhỏ hợp đồng có quy định chuyển giao công nghệ; hầu hết doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn thiếu vốn và trình độ công nghệ thấp, khó có thể mua được đầu vào trung gian của các doanh nghiệp FDI. Từ đây, kỳ vọng vào liên kết trong chính sách chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng cần được nghiên cứu đánh giá thận trọng (CIEM 2012).

Mặc dù số đông doanh nghiệp chưa tham gia vào hoạt động cải tiến hoặc nâng cấp công nghệ; song gần 1/3 có cam kết nâng cấp công nghệ liên quan đến sáng kiến cải tiến

dựa vào hoạt động R&D, hoặc điều chỉnh sàng lọc công nghệ hiện có. Đây là tín hiệu có ý nghĩa để nhìn lại chính sách đã ban hành và tổ chức thực thi. Có lẽ chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ không nên quá tham vọng mà cần hướng vào mở rộng năng lực công nghệ và sức sáng tạo của doanh nghiệp; tăng cường hơn nữa mối liên kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức nghiên cứu công và đại học; tạo những liên kết thuận lợi để doanh nghiệp có thể cải tiến và nâng cấp công nghệ dựa trên kết quả nghiên cứu. Điều quan trọng là tăng cường nhận thức, năng lực học hỏi, đổi mới công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nhiều hơn ở cấp độ doanh nghiệp.

Nhu cầu công nghệ doanh nghiệp đòi hỏi phải có những đổi mới cơ chế chuyển giao và đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ để các tổ chức nghiên cứu công và đại học có thể đảm nhận được vai trò đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và thúc đẩy mối liên kết khoa học-công nghiệp. Hệ thống chuyển giao công nghệ đổi mới chỉ có thể thành công khi các yếu tố về cơ cấu, điều hành nghiên cứu và đào tạo được cấu thành bám sát mục tiêu phát triển và đời sống doanh nghiệp để xác định nhu cầu, xây dựng năng lực nghiên cứu và đào tạo phù hợp với mục tiêu kinh tế xã hội.

Cho đến nay, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật liên quan đến khoa học-công nghệ như Luật Khoa học-công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ. Luật Công nghệ cao... và nhiều nghị định cụ thể hóa chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích đầu tư, thành lập quỹ phát triển khoa học-công nghệ, tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp... nhưng trên thực tế, cơ chế chính sách đặc thù phù hợp với hoạt động đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp vẫn chưa được cụ thể hóa. Nền tảng, chính sách ban hành cần hướng tới hoạt động vi mô của doanh nghiệp trong đổi mới; chuyển giao công nghệ doanh nghiệp nên cụ thể hóa theo từng lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp

và dịch vụ theo những loại hình và tiêu chí khác nhau.

Trọng tâm của các giải pháp vì mô cần tập trung vào thay đổi cơ bản thể chế hỗ trợ, sửa đổi hệ thống động lực nhằm thay đổi hành vi ứng xử của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia. Theo hướng này, chính sách hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ cần quan tâm đến mô hình lan tỏa, qua đó, để cao cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu nhằm khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, trường đại học và nhà sáng tạo công nghệ tham gia vào hoạt động đổi mới, cải tiến và phát triển công nghệ doanh nghiệp.

Khắc phục những hạn chế thông tin, chính sách hỗ trợ cần hướng vào xây dựng mạng lưới thông tin công nghệ từ trung ương tới doanh nghiệp với những cơ sở dữ liệu quốc gia đủ tin cậy, có khả năng cung cấp định kỳ những vấn đề liên quan đến công nghệ phù hợp và chính sách hỗ trợ cụ thể, dễ hiểu cho doanh nghiệp và mọi người dân.

Nhằm khai thác tiềm năng nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng của những mặt hàng nông sản xuất khẩu; chính sách hỗ trợ công nghệ cần dành sự quan tâm đặc biệt đến những doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nguyên liệu chưa qua chế biến, các vùng cây con trong xây dựng chỉ dẫn địa lý, tên gọi xuất xứ và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Chỉ khi nâng cao năng lực cạnh tranh và bảo vệ được thương hiệu Việt, mặt hàng nông sản xuất khẩu nước ta mới có thể trụ vững trên thị trường cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế toàn cầu.

Tóm lại, tại các nước phát triển, đổi mới và năng lực công nghệ đã trở thành tâm điểm trong mọi nỗ lực chính sách nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh trong chuỗi giá trị toàn cầu; ở nước ta, khái niệm này còn mới và chưa được nghiên cứu thấu đáo. Các nhà khoa học thuộc CIEM đã đưa ra một cách nhìn, có thể khai thác làm cơ sở cho những nghiên cứu phục vụ xây dựng chính sách chuyển giao

công nghệ. Theo đó, chính sách đổi mới và công nghệ thuần túy dựa trên các chỉ số khoa học hiện hành có khả năng dẫn đến đánh giá thấp hệ thống đổi mới và tiến bộ công nghệ đang diễn ra và cho rằng, cần nắm bắt một cách đầy đủ quy mô hoạt động công nghệ diễn ra trong các doanh nghiệp để có một định nghĩa rộng hơn về đổi mới và nghiên cứu phát triển (R&D) (CIEM 2012).

Thực trạng công nghệ đòi hỏi không chỉ là tiếp nhận và cải tiến công nghệ của bản thân doanh nghiệp, mà điều cần là có những sáng tạo mở đường từ kết quả đổi mới của tổ chức nghiên cứu phát triển nhằm tạo ra những công nghệ mới, đáp ứng được nhu cầu phát triển bền vững và lợi thế cạnh tranh, nâng cao vị thế doanh nghiệp trong chuỗi giá trị toàn cầu./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *MPI (2013)*, Tình hình năm 2012 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2013, Hà Nội ngày 3-1-2013.
2. *TCTK (2013)*, Kết quả sơ bộ tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012, Hà Nội ngày 4-1-2013.
3. *TCTK (2012)*, Thông cáo báo chí về tình hình KTXH tháng 12 và cả năm 2012
4. *VCCI (2012)*, Đồng thái doanh nghiệp Việt Nam quý III/2012, Hà Nội 12-10-2012.
5. *CIEM (2012)*, Năng lực cạnh tranh và công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp tại Việt Nam, Nxb Lao động: Hà Nội.
6. *JICA/AED (2010)* Báo cáo khảo sát DNNVV tại 3 tỉnh Hà Nội, Cần Thơ và Bình Thuận, Hà Nội, tháng 7.
7. *Nguyễn Đình Cung (2012)*, Khó khăn của doanh nghiệp: vấn đề và giải pháp, Diễn đàn đầu tư và phát triển doanh nghiệp Việt Nam, Hà Nội, tháng 12.